

PHỤ LỤC I
DANH MỤC MỘT SỐ BỆNH ĐƯỢC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
CẤP CHUYÊN SÂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 01 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên bệnh, nhóm bệnh và các trường hợp	Mã ICD-10	Tình trạng, điều kiện
1.	Viêm màng não do lao (G01*)	A17.0†	
2.	U lao màng não (G07*)	A17.1†	
3.	Lao khác của hệ thần kinh	A17.8†	
4.	Lao hệ thần kinh, không xác định (G99.8*)	A17.9†	
5.	Nhiễm mycobacteria ở phổi	A31.0	
6.	Nhiễm histoplasma capsulatum ở phổi cấp tính	B39.0	
7.	Nhiễm nấm blastomyces ở phổi cấp tính	B40.0	
8.	Nhiễm nấm paracoccidioides ở phổi	B41.0	
9.	Nhiễm sporotrichum ở phổi (J99.8*)	B42.0†	
10.	Nhiễm aspergillus ở phổi xâm lấn	B44.0	
11.	Nhiễm cryptococcus ở phổi	B45.0	
12.	Nhiễm mucor ở phổi	B46.0	
13.	Nhiễm mucor lan toả	B46.4	
14.	U ác tủy	C25	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
15.	U ác tuyến ức	C37	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
16.	U ác của tim, trung thất và màng phổi	C38 (trừ mã C38.4)	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
17.	U ác của xương và sụn khớp ở vị trí khác và không xác định	C41	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
18.	U ác của màng não	C70	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
19.	U ác của não	C71	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.

20.	U ác của tủy sống, dây thần kinh sọ và các phần khác của hệ thần kinh trung ương	C72	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
21.	U ác thứ phát của não và màng não	C79.3	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
22.	Nhóm u ác tính	Từ C00 đến C97	Có đủ 02 điều kiện sau đây: - Người dưới 18 tuổi. - Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định điều trị đặc hiệu.
23.	U ác của hệ lympho, hệ tạo máu và các mô liên quan	Từ C81 đến C86 và từ C90 đến C96 (trừ mã C83.5)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định điều trị đặc hiệu.
24.	Hội chứng loạn sản tủy xương	D46	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định điều trị đặc hiệu.
25.	Các thể suy tủy xương khác	D61 (trừ mã D61.9)	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định điều trị đặc hiệu.
26.	Bệnh tăng đông máu khác (Hội chứng kháng phospholipid)	D68.6	
27.	Hội chứng thực bào tế bào máu liên quan đến nhiễm trùng	D76.2	
28.	Bệnh đái tháo đường phụ thuộc insuline (Có đa biến chứng)	E10.7	Có biến chứng loét bàn chân độ 2 hoặc có bệnh thận mạn giai đoạn 3 trở lên hoặc có ít nhất 02 trong số các biến chứng: tim mạch, mắt, thần kinh, mạch máu.
29.	Bệnh đái tháo đường không phụ thuộc insuline (Có đa biến chứng)	E11.7	Có biến chứng loét bàn chân độ 2 hoặc có bệnh thận mạn giai đoạn 3 trở lên.
30.	Rối loạn chuyển hóa acid amin thơm	E70	Người dưới 18 tuổi.
31.	Rối loạn chuyển hóa acid amin chuỗi nhánh và rối loạn chuyển hóa acid béo	E71	Người dưới 18 tuổi.
32.	Các rối loạn khác của chuyển hóa acid amin	E72	Người dưới 18 tuổi.
33.	Nhóm rối loạn dự trữ thể tiêu bào (Bệnh Pompe, bệnh MPS, Bệnh Gaucher, Bệnh Fabry)	E74, E75, E76, (Áp mã theo ICD-10 của WHO cập nhật năm 2021)	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
34.	Rối loạn chuyển hóa đồng (bao gồm cả bệnh Wilson)	E83.0	Bệnh Wilson có biến chứng (có một trong các biến chứng của xơ gan, suy gan cấp, tối cấp, suy thận cấp, rối loạn vận động, rối loạn vận

			ngôn, rối loạn tâm thần, sa sút trí tuệ, động kinh bệnh cơ tim, rối loạn nhịp tim).
35.	Thoái hóa dạng bột	E85	Không áp dụng đối với trường hợp đã được chẩn đoán xác định nhưng không có chỉ định điều trị đặc hiệu.
36.	Rối loạn trầm cảm tái diễn	F33	- Kháng thuốc. - Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
37.	Rối loạn ám ảnh nghi thức	F42	
38.	Viêm não, viêm tủy và viêm não-tủy	G04 (trừ mã G04.2)	
39.	Xơ cứng rải rác	G35	
40.	Viêm tủy thị thần kinh [Devic]	G36.0	
41.	Nhuộc cơ	G70.0	- Trường hợp phải lọc máu, suy hô hấp. - Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
42.	Bệnh lý vồng mạc của trẻ đẻ non	H35.1	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
43.	Suy tim	I50	Đã có kết luận chẩn đoán giai đoạn 3, giai đoạn 4.
44.	Hoại tử thượng bì nhiễm độc (Lyell/Steven Johnson)	I51.2	
45.	Hội chứng sau mổ tim	I97.0	
46.	Rối loạn chức năng khác sau phẫu thuật tim	I97.1	
47.	Bệnh phổi mô kẽ khác	J84	
48.	Áp xe phổi và trung thất	J85	Tình trạng tiến triển nặng theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị.
49.	Mủ lồng ngực (nhiễm trùng nặng ở phổi)	J86	Tình trạng tiến triển nặng theo hướng dẫn chẩn đoán, điều trị.
50.	Bệnh Crohn (viêm ruột từng vùng)	K50	Mức độ nặng theo thang điểm CDAI từ 450 điểm trở lên, hoặc có biến chứng như rò, thủng, áp xe trong ổ bụng, suy dinh dưỡng nặng.
51.	Pemphigus	L10	Một trong các điều kiện sau đây: - Tổn thương da >10% diện tích cơ thể.

			- Tình trạng tiến triển bệnh nặng theo hướng dẫn chẩn đoán và điều trị. - Á u.
52.	Viêm mạch mạng lưới	L95.0	
53.	Bệnh da tăng bạch cầu trung tính có sốt [Hội chứng Sweet]	L98.2	
54.	Bệnh Lupus ban đỏ hệ thống có tổn thương phủ tạng	M32.1†	- Tổn thương tim hoặc phổi hoặc thận nặng, tiến triển, đe dọa tính mạng. - Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
55.	Đái tháo đường sơ sinh	P70.2	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
56.	Dị tật bẩm sinh khác của não	Q04	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
57.	Các dị tật bẩm sinh khác của tủy sống	Q06	Người bệnh được hưởng quyền lợi ngay trong lượt khám bệnh, chữa bệnh có kết quả chẩn đoán xác định mắc bệnh.
58.	Nhóm các dị tật bẩm sinh của hệ thống tuần hoàn	Từ Q20 đến Q28	Người dưới 18 tuổi thuộc một trong 02 trường hợp sau đây: - Phẫu thuật/can thiệp loại đặc biệt. - 03 phẫu thuật/can thiệp đồng thời trở lên.
59.	Biến dạng bẩm sinh của khớp háng	Q65	Có chỉ định thay khớp.
60.	Kháng (các) thuốc chống lao	U84.3	
61.	Di chứng của hoạt động chiến tranh (Di chứng do vết thương chiến tranh)	Y89.1	Áp dụng đối với thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng.
62.	Tình trạng của mảnh ghép cơ quan và tổ chức	Z94	Áp dụng đối với người bệnh có ghép tạng và điều trị sau ghép tạng.